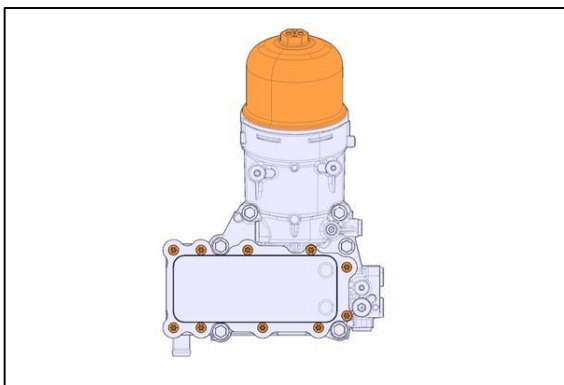


**Hệ thống bôi trơn và nhớt, thông số kỹ thuật****Tổng quan**

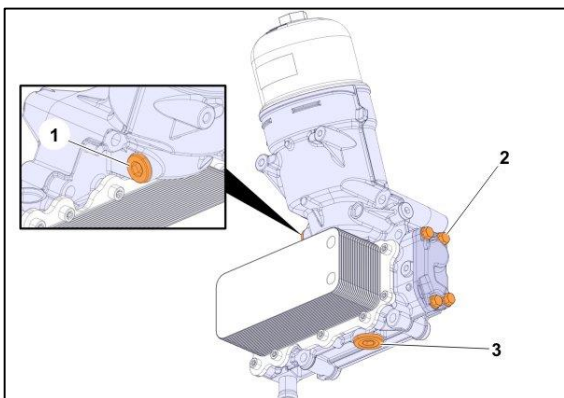
Thông số kỹ thuật		
Bơm nhớt, van an toàn, áp suất mở		1,100 ±150 kPa
Van bypass bộ lọc nhớt, áp suất mở		250 ±20 kPa
Van bypass bộ làm mát nhớt, áp suất mở		294 ±20 kPa
Van điều chỉnh, áp suất mở		315 ±50 kPa
Van làm mát piston, áp suất mở	Có van hằng nhiệt sáp	50 kPa
	Không có van hằng nhiệt sáp	140 kPa

Bơm nhớt, áp suất

Tốc độ động cơ	Áp suất tối thiểu
600 ±50 rpm Lưu ý: tốc độ không tải	200 ±30 kPa
2,200 rpm Lưu ý: tốc độ tối đa	400 ±60 kPa

Cụm bộ lọc nhớt**Mô đun nhớt, lực siết**

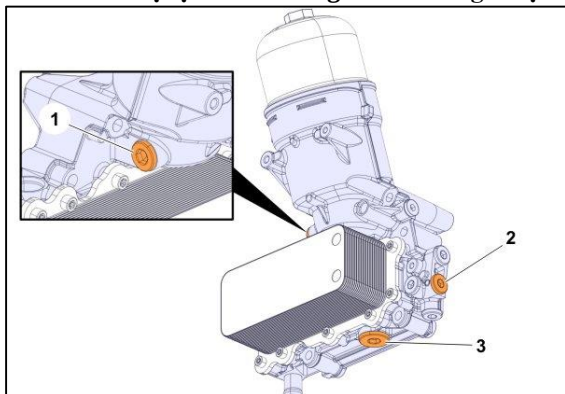
Bộ lọc nhớt, vỏ	40 ±5 Nm
Bộ làm mát nhớt, vít	12 ±1 Nm

Các van vỏ bộ lọc nhớt có van hằng nhiệt sáp

1. Bộ lọc nhớt, van bypass, nút bít	29.4 ±4.9 Nm
2. Bộ hằng nhiệt, vỏ, vít	12 ±1 Nm
3. Bộ làm mát nhớt, van điều chỉnh, nút bít	39.2 ±4.9 Nm



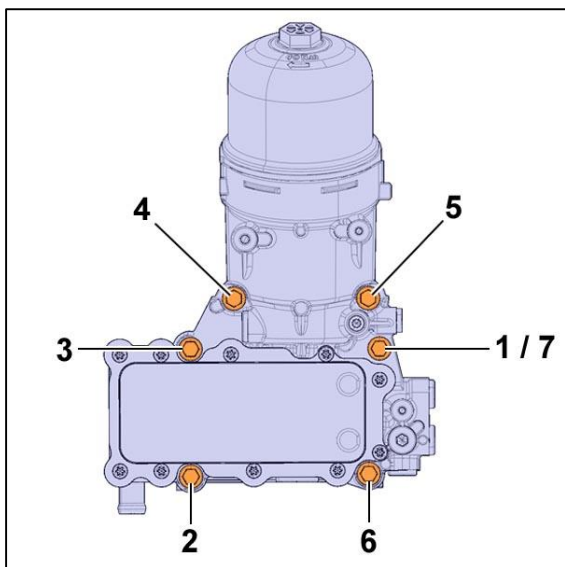
Các van vỏ bộ lọc nhớt không có van hằng nhiệt sáp



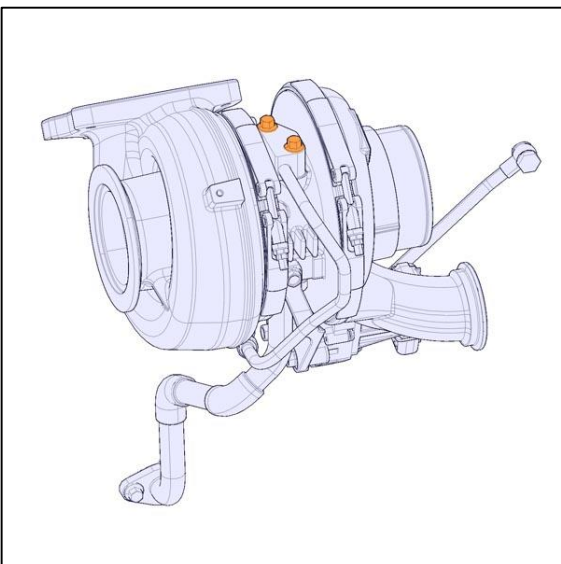
1. Bộ lọc nhớt, van bypass, nút bít	29.4 ±4.9 Nm
2. Bộ làm mát nhớt, van bypass, nút bít	24.5 ±4.9 Nm
3. Bộ làm mát nhớt, van điều chỉnh, nút bít	39.2 ±4.9 Nm

Vỏ bộ lọc nhớt

Lực siết	
Vỏ bộ lọc nhớt, vít	Trình tự siết: 1-7
	48 ±8 Nm



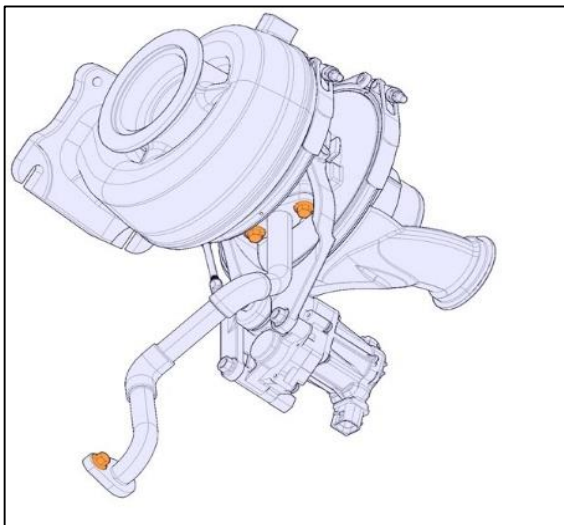
Turbocharger, kết nối nhớt





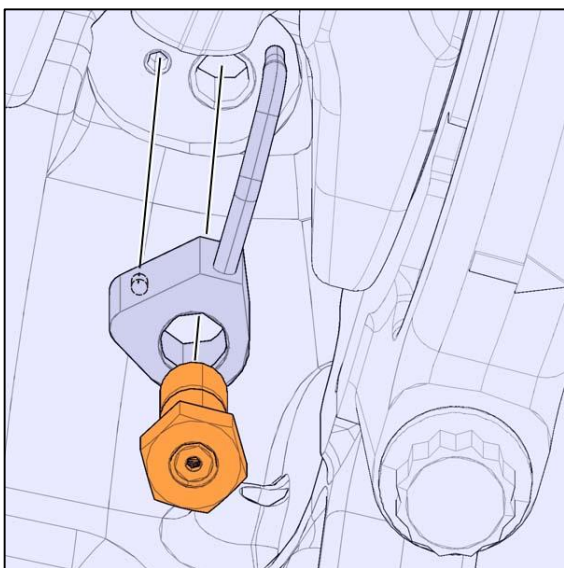
Ống áp suất nhớt, vít	24 $\pm$ 4 Nm
-----------------------	---------------

Ống hồi nhớt, turbocharger



Ống hồi nhớt, vít	1. Siết bước 1: 12 Nm
	2. Siết bước 2: 24 $\pm$ 2 Nm

Van làm mát piston



Lực siết	
Vòi làm mát piston, van	34 ⁺⁵ ₊₀ Nm